

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2021/DS-PT

Ngày: 18-5-2021

V/v *Tranh chấp về di sản thừa kế*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Thanh

Bà Lê Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương Chi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2021/TLPT-DS ngày 22 tháng 01 năm 2021 về việc “*Tranh chấp về di sản thừa kế*”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 68/2020/DS-ST ngày 09/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2021/QĐ-PT ngày 19/02/2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 402/2021/TB-PT ngày 04/5/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Cụ Nguyễn Thị B, sinh năm 1947.

Địa chỉ: Thôn LH 2, xã LH, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Văn C, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn LH 2, xã LH, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng (*theo văn bản uỷ quyền ngày 17/5/2021*).

2. Đồng bị đơn:

- Ông Lê Văn Kh, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn TH, xã LH, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Ông Lê Văn H, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn TH, xã LH, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lê Văn Hg, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Thôn LH 2, xã LH, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Vợ chồng anh Lê Văn C, sinh năm 1989;

Chị Hoàng Thị H1, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Thôn LH 2, xã LH, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

4. Người kháng cáo bị đơn ông Lê Văn Kh và ông Lê Văn H.

(Anh C, ông H, ông Hg có mặt tại phiên toà; ông Kh có đơn xin xét xử vắng mặt; cụ B, chị H1 vắng mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn cụ Nguyễn Thị B trình bày:* Cụ và cụ Lê Văn N xây dựng gia đình với nhau năm 1965, quá trình chung sống cụ và cụ N có 03 người con chung gồm Lê Văn Hg, sinh năm 1966; Lê Văn Kh, sinh năm 1977 và Lê Văn H, sinh năm 1980. Giữa cụ và cụ N không có con riêng và không nhận ai làm con nuôi. Hiện nay bố, mẹ của cụ N cũng đã chết.

Quá trình chung sống cụ và cụ N tạo lập được tài sản chung gồm:

- Diện tích đất 8.050m² thuộc thửa 114, tờ bản đồ số 43 tại thôn TH, xã LH, huyện Lâm Hà, đã được cấp quyền sử dụng đất đứng tên cụ và cụ N. Trên đất có một căn nhà xây cấp bốn.

- Diện tích đất 651m² thuộc thửa 252, tờ bản đồ số 40 tại thôn LH 2, xã LH, huyện Lâm Hà, đã được cấp quyền sử dụng đất đứng tên cụ và cụ N. Trên đất có hai căn nhà xây cấp bốn. Trong diện tích đất này có 16m chiều ngang mặt đường liên thôn. Năm 2017 cụ N chết không để lại di chúc nên cụ có cho cháu Lê Văn C (*con ông Lê Văn Hg*) 07m đất chiều ngang để làm nhà ở và tiện chăm sóc cụ.

Quá trình sử dụng tài sản thì các con của cụ là Lê Văn Kh, Lê Văn H không đồng ý ký giấy tờ sang tên cho cụ mà còn chửi bới, đối xử tệ bạc với cụ. Vì vậy, cụ B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản phần của cụ N để lại theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, cụ B không trình bày và yêu cầu gì thêm.

- *Bị đơn ông Lê Văn Kh trình bày:* Ông là con trai của cụ Lê Văn N và cụ Nguyễn Thị B. Bố mẹ ông chung sống với nhau có 03 người con là Lê Văn Hg, sinh năm 1966; Lê Văn Kh, sinh năm 1977 và Lê Văn H, sinh năm 1980. Ngoài ra bố mẹ ông không còn người có con riêng, con nuôi nào khác. Hiện nay ông, bà nội ông đều đã chết.

Quá trình chung sống bố mẹ ông có tạo lập được tài sản chung gồm:

- Diện tích đất 8.050m² thuộc thửa 114, tờ bản đồ số 43 tại thôn TH, xã LH, huyện Lâm Hà, đã được cấp quyền sử dụng đất đứng tên bố mẹ ông. Trên đất có một chòi xây tạm do mẹ ông xây dựng.

- Diện tích đất 651m² thuộc thửa 252, tờ bản đồ số 40 tại thôn LH 2, xã LH, huyện Lâm Hà, đã được cấp quyền sử dụng đất đứng tên bố mẹ ông. Trên đất có một căn nhà xây cấp 4 do bố mẹ ông xây và mẹ ông đang sử dụng làm nhà ở. Năm 2017 bố ông chết được 04 tháng không để lại di chúc thì cụ B có cho cháu Lê Văn C (*con trai anh Lê Văn Hg*) đến ở và xây một căn nhà cấp bốn. Khi cháu C xây anh em ông không đồng ý nhưng đó là ý của mẹ ông nên ông không có ý kiến gì. Ngoài ra bố mẹ ông không còn tài sản chung nào khác.

Năm 2019 mẹ ông yêu cầu anh em ông phải ký giấy ủy quyền cho mẹ ông đứng tên 02 thửa đất trên, để mẹ ông muốn cho ai thì cho nhưng anh em ông không đồng ý. Nay mẹ ông yêu cầu chia di sản thừa kế bố ông để lại thì ông yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngoài ra ông không yêu cầu gì khác.

- *Bị đơn ông Lê Văn H trình bày:* Ông là con trai cụ Lê Văn N, Nguyễn Thị B. Bố mẹ ông chung sống với nhau có 03 người con là Lê Văn Hg, sinh năm 1966; Lê Văn Kh, sinh năm 1977 và Lê Văn H, sinh năm 1980. Ngoài ra bố mẹ ông không có con riêng, con nuôi nào khác. Hiện nay ông bà nội ông đều đã chết.

Quá trình chung sống bố mẹ ông có tạo lập được tài sản chung gồm:

Diện tích đất 8.050m² thuộc thửa 114, tờ bản đồ số 43 tọa lạc tại thôn TH, xã LH, huyện Lâm Hà, đã được cấp quyền sử dụng đất đứng tên bố mẹ ông. Trên đất có một chòi xây tạm do mẹ ông xây dựng. Khoảng năm 2015 bố ông có cho anh trai ông là Lê Văn Kh làm sản lượng trên thửa đất này, đến năm 2017 bố ông chết không để lại di chúc được bốn tháng thì ông Kh có chia cho ông ½ thửa đất để làm lấy sản lượng. Hiện nay anh em ông đã trả lại thửa đất này cho mẹ ông sử dụng.

Diện tích đất 651m² thuộc thửa 252, tờ bản đồ số 40 tại thôn LH 2, xã LH, huyện Lâm Hà, đã được cấp quyền sử dụng đất đứng tên bố mẹ ông. Trên đất có một căn nhà xây cấp bốn do bố mẹ ông xây và mẹ ông đang sử dụng làm nhà ở. Năm 2017 bố ông chết không để lại di chúc được bốn tháng thì mẹ ông có cho cháu Lê Văn C (*con trai anh Lê Văn Hg*) đến ở và xây một căn nhà cấp bốn. Khi cháu C xây anh em ông không đồng ý nhưng đó là ý của mẹ ông nên ông không có ý kiến gì. Ngoài ra bố mẹ ông không còn tài sản chung nào khác.

Năm 2019 mẹ ông yêu cầu anh em ông phải ký giấy ủy quyền cho mẹ ông đứng tên 02 thửa đất trên để mẹ ông muốn cho ai thì cho nên anh em ông không đồng ý. Mẹ ông lại nghe theo lời người ngoài nên đi khởi kiện anh em ông để chia di sản thừa kế thì ông yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của bố ông để lại theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, ông không còn yêu cầu gì khác.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn Hg trình bày:* Qua lời trình bày của mẹ ông là cụ B và lời trình bày của ông Lê Văn Kh, ông

Lê Văn H là đúng. Nay cụ B khởi kiện chia di sản của bố ông là cụ Lê Văn N để lại theo quy định của pháp luật, ông không yêu cầu chia phần di sản của bố ông. Ông đề nghị giao phần di sản của ông cho cụ B toàn quyền định đoạt. Ngoài ra ông không còn yêu cầu gì khác.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vợ chồng anh Lê Văn C trình bày:* Năm 2018 bà nội anh là cụ Nguyễn Thị B có cho vợ chồng anh 07m đất chiều rộng theo trục đường thôn LH 2, xã LH có chiều dài hết thửa đất thuộc một phần thửa 252, tờ bản đồ 40, xã LH để tiện chăm sóc bà. Vợ chồng anh đã xây dựng một căn nhà xây cấp bốn kiên cố trên diện tích đất trên và ở ổn định từ năm 2018 đến nay. Nay giữa cụ B và ông Kh, ông H tranh chấp thừa kế tài sản phần của ông nội anh để lại thì vợ chồng anh yêu cầu duy trì việc tặng cho quyền sử dụng một phần diện tích đất thửa 252 tờ bản đồ số 40, xã LH giữa cụ B với vợ chồng anh. Phần di sản cụ B phải thanh toán cho ông Kh, ông H nếu sau này bà anh không thanh toán được thì vợ chồng anh sẽ hỗ trợ cho cụ B. Vì vậy, vợ chồng anh yêu cầu duy trì việc tặng cho để giao cho vợ chồng anh căn nhà và diện tích đất nêu trên. Ngoài ra vợ chồng anh không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng do đồng bị đơn vắng mặt không có lý do chính đáng nên không tiến hành hòa giải được.

Tại bản án số 68/2020/DS-ST ngày 09/12/2020, Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Thị B về việc yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật.

1.1. Chia cho cụ Nguyễn Thị B được quyền sử dụng diện tích đất 378m² thuộc một phần thửa 252 tờ bản đồ số 40 xã LH, trên đất có 01 căn nhà xây cấp 4 mái lợp tôn kềm 91m² sử dụng kèm theo công trình phụ và cây ăn trái. Tọa lạc tại thôn LH 2, xã LH, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

1.2. Duy trì hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thuộc một phần thửa 252 tờ bản đồ số 40 xã LH: Giữa cụ Nguyễn Thị B với vợ chồng anh Lê Văn C, chị Hoàng Thị H1. Giao cho vợ chồng anh Lê Văn C, chị Hoàng Thị H1 01 căn nhà xây cấp 4 mái lợp tôn kềm 165m² sử dụng kèm theo công trình phụ xây dựng năm 2017 thuộc một phần thửa 252 tờ bản đồ số 40, xã LH. Tọa lạc tại thôn LH 2, xã LH, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

1.3. Buộc cụ Nguyễn Thị B phải thanh toán cho ông Lê Văn Kh số tiền là: 77.912.500đồng; ông Lê Văn H số tiền là: 77.912.500đồng.

1.4. Chia cho cụ Nguyễn Thị B được quyền sử dụng diện tích đất là 5.874,5m² thuộc một phần thửa 114 tờ bản đồ số 43 trên đất có 01 căn nhà cấp

4c có 20m² sử dụng; 01 giếng đào; 04 cây sầu riêng và cây cà phê Rôbusta thời kỳ kinh doanh (*trong đó có 150m² đất ở, 5.724,5m² đất trồng cây lâu năm*). Có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đường liên thôn chiều rộng 52m; phía Tây giáp thửa 79 chiều rộng 50m; phía Nam giáp thửa 81; 82; 99 tờ bản đồ số 43 xã LH; phía Bắc giáp đất ông H. Tọa lạc tại thôn TH, xã LH, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. (*Kèm theo trích lục các thửa đất*).

1.5. Chia cho ông Lê Văn Kh được quyền sử dụng diện tích đất là 995,75m² thuộc một phần thửa 114 tờ bản đồ số 43 trên đất đã trồng cây cà phê Rôbusta thời kỳ kinh doanh (*trong đó có 25m² đất ở và 970,75m² đất trồng cây lâu năm*) có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đường liên thôn chiều rộng 09m; phía Tây giáp thửa 79 chiều rộng 10m; phía Nam giáp đất ông H; phía bắc giáp thửa 221 tờ bản đồ số 43. Tọa lạc tại thôn TH, xã LH, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. (*Kèm theo trích lục các thửa đất*).

1.6. Chia cho ông Lê Văn H được quyền sử dụng diện tích đất là 995,75m² thuộc một phần thửa 114 tờ bản đồ số 43 trên đất đã trồng cây cà phê Rôbusta thời kỳ kinh doanh (*trong đó có 25m² đất ở và 970,75m² đất trồng cây lâu năm*) có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đường liên thôn chiều rộng 09m (*Chín*); phía Tây giáp thửa 79 chiều rộng 10m; phía Nam giáp đất cụ B; phía Bắc giáp đất ông Kh. Tọa lạc tại thôn TH, xã LH, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. (*Kèm theo trích lục các thửa đất*).

Cụ Nguyễn Thị B, ông Lê Văn Kh, ông Lê Văn H, vợ chồng anh C, chị H1 có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục chỉnh lý biến động quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.

Về chi phí tố tụng: Buộc ông Lê Văn Kh phải thanh toán cho cụ Nguyễn Thị B số tiền là 1.356.000đồng. Buộc ông Lê Văn H phải thanh toán cho cụ Nguyễn Thị B số tiền là 1.356.000đồng.

Về án phí: Buộc ông Lê Văn Kh phải nộp 8.576.500đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Buộc ông Lê Văn H phải nộp 8.576.500đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc vợ chồng anh Lê Văn C, chị Hoàng Thị H1 phải nộp 9.487.500đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng anh C, chị H1 đã tạm nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0007660 ngày 09/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà. Vợ chồng anh C, chị H1 còn phải nộp 9.187.500đồng.

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho cụ Nguyễn Thị B.

Ngày 21/12/2020 bị đơn ông Lê Văn Kh, ông Lê Văn H có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay: Ông Kh có đơn xin xét xử vắng mặt nội dung đơn thể hiện yêu cầu được chia di sản bằng hiện vật. Ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và yêu cầu được chia di sản bằng hiện vật (*quyền sử dụng đất*). Ông C không đồng ý với kháng cáo của ông H, ông Kh, đề nghị giải quyết như án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, nêu quan điểm đề nghị: Hủy một phần bản án sơ thẩm về phần chia di sản thừa kế của cụ Lê Văn N cho ông Lê Văn Kh và ông Lê Văn H. Đình chỉ giải quyết một phần vụ án về phần chia di sản cho ông Kh và ông H do ông Kh, ông H không nộp tiền tạm ứng án phí theo thông báo của Tòa án. Căn cứ khoản 2, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Cụ Nguyễn Thị B và cụ Lê Văn N chung sống với nhau từ năm 1965, có 03 người con chung và tạo lập được khối tài sản gồm diện tích đất theo đo đạc thực tế 7.966m² thuộc thửa 114, tờ bản đồ số 43 tại thôn TH, xã LH, huyện Lâm Hà và diện tích đất 542m² thuộc thửa 252, tờ bản đồ số 40 tại thôn LH 2, xã LH, huyện Lâm Hà đã được cấp quyền sử dụng đất đứng tên cụ B và cụ N. Năm 2017, cụ N chết không để lại di chúc, nay cụ B có yêu cầu chia phần di sản của cụ N cho các đồng thừa kế. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp về thừa kế di sản*” là đúng pháp luật.

[2] Về tố tụng: Người kháng cáo ông Lê Văn Kh có đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Thị H1 vắng mặt nên căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Xét kháng cáo của ông Lê Văn Kh, ông Lê Văn H thì thấy rằng theo hồ sơ thể hiện: Các bên đều thống nhất quá trình chung sống cụ B, cụ N có 03 người con chung là Lê Văn Kh, Lê Văn H và Lê Văn H. Đồng thời, các cụ tạo lập được tài sản chung là diện tích đất theo đo đạc thực tế 7.966m² (*trong đó có 200m² đất ở*) thuộc thửa 114, tờ bản đồ số 43; diện tích đất 542m², thuộc thửa 252, tờ bản đồ số 40 đều tọa lạc tại xã LH, huyện Lâm Hà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cụ Lê Văn N, cụ Nguyễn Thị B vào năm 2008 và năm 2005 cùng tài sản trên đất. Ngày 06/7/2017, cụ N chết không để lại di chúc nên ½ số tài sản trên là kỹ phần thừa kế chưa được chia của cụ Lê

Văn N, còn lại $\frac{1}{2}$ số tài sản là của cụ Nguyễn Thị B. Do đó, căn cứ Điều 650 Bộ luật dân sự năm 2015 thì 02 thửa đất trên và tài sản trên đất được chia theo pháp luật cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ N gồm cụ Nguyễn Thị B, ông Lê Văn Kh, ông Lê Văn H và ông Lê Văn Hg. Cụ B được $\frac{1}{2}$ tài sản, $\frac{1}{2}$ còn là di sản của cụ N để lại.

Đối với ông Lê Văn Hg từ chối nhận kỷ phần thừa kế của cụ N và ông tự nguyện giao kỷ phần thừa kế của mình cho cụ B nên ghi nhận.

Đối với bị đơn ông Kh và ông H đều có yêu cầu chia di sản thừa kế do cụ N để lại. Tòa án cấp sơ thẩm đã ban hành thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số 257, 258 cùng ngày 07/9/2020 cho ông Kh, ông H nộp tiền tạm ứng án phí (BL số 72, 73) nhưng ông Kh, ông H không nộp. Tuy nhiên, Tòa án sơ thẩm vẫn chia di sản thừa kế của cụ N để lại cho ông Kh, ông H là không đúng quy định của pháp luật. Do đó, cần hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết đối với phần chia di sản thừa kế của cụ N để lại cho ông Kh và ông H. Giao kỷ phần di sản thừa kế của ông Kh, ông H cho cụ B quản lý, sử dụng sau này các đương sự có yêu cầu chia sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

Cụ thể:

- Đối với diện tích đất $7.966m^2$ (trong đó có $200m^2$ đất ở) thuộc thửa 114 trên đất có 01 căn nhà cấp 4c, $20m^2$ sử dụng, 01 giếng đào, diện tích đất còn lại trồng cây cà phê, cây ăn trái. Xác định $\frac{1}{2}$ thửa 114 diện tích $3.983m^2$, tờ bản đồ số 43 và $\frac{1}{2}$ thửa 252, tờ bản đồ số 40 diện tích $271m^2$ cùng tài sản trên đất là tài sản của cụ B. Diện tích $3.983m^2$ thuộc một phần thửa 114, tờ bản đồ số 43 và diện tích $271m^2$ thuộc một phần thửa 252, tờ bản đồ số 40 là di sản thừa kế của cụ N để lại cho 4 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ N là cụ Nguyễn Thị B, ông Lê Văn Kh, ông Lê Văn H và ông Lê Văn Hg. Tương ứng mỗi kỷ phần là $3.983m^2 : 4 = 995,75m^2$. Như vậy, cụ B được quyền sử dụng diện tích đất $5.974,5m^2$ ($3.983m^2$ phần tài sản của cụ B + $995,75m^2$ kỷ phần di sản thừa kế của cụ N + $995,75m^2$ kỷ phần di sản thừa kế ông Hg tự nguyện giao cho cụ B) cùng tài sản trên đất (trong đó, có $150m^2$ đất ở và $5.824,5m^2$ đất trồng cây lâu năm) tại xã LH, huyện Lâm Hà. Đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đường liên thôn chiều rộng 52m; Phía Tây giáp thửa 79 chiều rộng 50m; Phía Nam giáp thửa 81, 82, 99 tờ bản đồ số 43, xã LH, huyện Lâm Hà; Phía Bắc giáp đất giao cho cụ B được quản lý, canh tác. Giao cho cụ B quản lý, canh tác diện tích $1.991,5m^2$ và tài sản trên đất (trong đó, có $50m^2$ đất ở và $1.941,5m^2$ đất trồng cây lâu năm) thuộc một phần thửa 114, tờ bản đồ số 43 tại xã LH, huyện Lâm Hà. Đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đường liên thôn chiều rộng 18m; Phía

Tây giáp thửa 79 chiều rộng 20m; Phía Nam giáp đất đã chia cho cụ B; Phía Bắc giáp thửa 221, 43 tờ bản đồ số 43, xã LH, huyện Lâm Hà.

- Đối với diện tích $542m^2$ (đo đạc thực tế) thuộc thửa 252 trên đất có 01 căn nhà xây cấp 4 mái lợp tôn kẽm $91m^2$ sử dụng, tọa lạc tại thôn LH 2, xã Lâm Hà, Huyện Lâm Hà. Cụ B được nhận $406,5m^2$ ($271m^2$ là phần tài sản của cụ B + $67,75m^2$ kỷ phần di sản thừa kế của cụ N + $67,75m^2$ kỷ phần di sản thừa kế ông Hg tự nguyện giao cho cụ B), phần diện tích còn lại $135,5m^2$ thuộc một phần thửa 252 giao cho cụ B quản lý, canh tác.

Đối với diện tích đất $1.991,5m^2$ và tài sản trên đất thuộc một phần thửa 114, tờ bản đồ số 43, xã LH, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng và diện tích đất $135,5m^2$ và tài sản trên đất thuộc một phần thửa 252, tờ bản đồ số 40, xã LH, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng (đã giao cho cụ B quản lý, canh tác) khi nào ông H, ông Kh có yêu cầu chia di sản thừa kế sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

Đối với việc vợ chồng anh Lê Văn C, chị Hoàng Thị H1 yêu cầu duy trì việc tặng cho một phần diện tích đất thuộc thửa 252, tờ bản đồ số 40 xã LH, trên đất có 01 căn nhà xây cấp 4. Theo kết quả đo đạc thực tế có chiều ngang mặt đường bê tông là 6,6m, căn nhà có diện tích $165m^2$, quá trình giải quyết vụ án cụ B vẫn thống nhất cho vợ chồng anh C, chị H1 xây nhà trên diện tích đất này để tiện chăm sóc lúc Cụ ốm đau. Hơn nữa, như đã phân tích ở trên thì sau khi chia thừa kế đối với diện tích $271m^2$ thửa 252, tờ bản đồ số 40 xã LH thì giao cho cụ B quản lý, canh tác diện tích $135,5m^2$ (phần di sản của cụ N để lại cho ông Kh, ông H chưa chia). Như vậy, cụ B được quyền sử dụng diện tích $406,5m^2$ và được giao quản lý, canh tác diện tích $135,5m^2$ thuộc thửa 252, tờ bản đồ số 40 xã LH. Vì vậy, việc cụ B tặng cho vợ chồng anh C, chị H1 diện tích $165m^2$ thuộc một phần thửa đất 252 để xây nhà là hoàn toàn phù hợp. Do đó, cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu độc lập của vợ chồng anh C, chị H1 về việc công nhận hợp đồng tặng cho một phần diện tích đất thuộc thửa 252 là có căn cứ.

Như vậy, sau khi trừ diện tích $165m^2$ đã tặng cho vợ chồng anh C, chị H1 thì cụ B được quyền sử dụng diện tích $406,5m^2 - 165m^2 = 241,5m^2$ và được giao quản lý, sử dụng diện tích $135,5m^2$, tổng cộng $377m^2$, án sơ thẩm tuyên $378m^2$ là không chính xác.

Đối với các căn nhà, 01 giếng đào, 01 sân bê tông và cây trồng trên đất các thửa 114, tờ bản đồ số 43 và thửa 252, tờ bản đồ 40, xã LH các đương sự không tranh chấp, cấp sơ thẩm không giải quyết nên không đề cập.

Từ những phân tích trên, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Kh, ông H, sửa bản án sơ thẩm theo hướng đã nhận định.

[4] Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án cụ B có đơn yêu cầu đo đạc, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản hết 5.425.000đồng. Cụ B đã được chia di sản phần của Cụ và phần do ông Hg tự nguyện giao. Do đó, cụ B phải chịu toàn bộ số tiền này (*đã ứng chi và quyết toán xong nên không đề cập*).

[5] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông Kh, ông H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Cụ B, vợ chồng anh C, chị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Cụ B sinh năm 1947 là người cao tuổi nên miễn án phí dân sự sơ thẩm cho cụ B.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, án phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn Kh và ông Lê Văn H, sửa bản án sơ thẩm.

Xử:

1. Hủy một phần bản án sơ thẩm về phần chia di sản thừa kế của cụ Lê Văn N cho ông Lê Văn Kh và ông Lê Văn H. Đình chỉ giải quyết một phần vụ án về phần chia di sản thừa kế của cụ Lê Văn N cho ông Lê Văn Kh và ông Lê Văn H.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Thị B về việc yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật.

- Chia cho cụ Nguyễn Thị B được quyền sử dụng diện tích 241,5m² và được giao quản lý, canh tác diện tích 135,5m², tổng cộng 377m² thuộc một phần thửa 252, tờ bản đồ số 40, xã LH, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng, trên đất có 01 căn nhà xây cấp 4 mái lợp tôn kẽm 91m² sử dụng kèm theo công trình phụ và cây ăn trái.

- Chia cho cụ Nguyễn Thị B được quyền sử dụng diện tích đất 5.974,5m² thuộc một phần thửa 114, tờ bản đồ số 43 xã LH, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Trên đất có 01 căn nhà cấp 4c có 20m² sử dụng; 01 giếng đào; 04 cây sầu riêng và cây cà phê Rôbusta thời kỳ kinh doanh (*trong đó có 150m² đất ở, 5.824,5m² đất trồng cây lâu năm*). Đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đường liên thôn chiều rộng 52m; Phía Tây giáp thửa 79 chiều rộng 50m; Phía Nam giáp thửa 81, 82, 99

tờ bản đồ số 43, xã LH, huyện Lâm Hà; Phía Bắc giáp đất giao cho cụ B được quản lý, canh tác.

- Giao cho cụ Nguyễn Thị B được quản lý, canh tác diện tích 1.991,5m² (trong đó có 50m² đất ở và 1.941,5m² đất trồng cây lâu năm) thuộc một phần thửa 114 tờ bản đồ số 43 xã LH, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Trên đất đã trồng cây cà phê Rôbusta thời kỳ kinh doanh. Đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đường liên thôn chiều rộng 18m; Phía Tây giáp thửa 79 chiều rộng 20m; Phía Nam giáp đất đã chia cho cụ B; Phía Bắc giáp thửa 221, 43 tờ bản đồ số 43, xã LH, huyện Lâm Hà.

(Có họa đồ kèm theo)

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng anh Lê Văn C, chị Hoàng Thị H1 về việc tiếp tục duy trì hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất.

Tiếp tục duy trì hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thuộc một phần thửa 252 tờ bản đồ số 40 xã LH: Giữa cụ Nguyễn Thị B với vợ chồng anh Lê Văn C, chị Hoàng Thị H1. Giao cho vợ chồng anh Lê Văn C, chị Hoàng Thị H1 01 căn nhà xây cấp 4 mái lợp tôn kẽm 165m² sử dụng kèm theo công trình phụ xây dựng năm 2017 thuộc một phần thửa 252 tờ bản đồ số 40, thôn LH 2, xã LH, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. *(có họa đồ kèm theo)*

Cụ B, vợ chồng anh C, chị H1 có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục chỉnh lý biến động quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

4. Về án phí:

Buộc ông Lê Văn Kh phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2016/0015002 ngày 30/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà. Ông Kh đã nộp đủ án phí.

Buộc ông Lê Văn H phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2016/0015000 ngày 30/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà. Ông H đã nộp đủ án phí.

Buộc vợ chồng anh Lê Văn C, chị Hoàng Thị H1 phải nộp 9.487.500đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000đồng anh C, chị H1 đã tạm nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0007660 ngày 09/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà. Vợ chồng anh C, chị H1 còn phải nộp 9.187.500đồng.

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho cụ Nguyễn Thị B.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC (01);
- VKSND tỉnh LD (01);
- TAND H. Lâm Hà (02);
- Phòng KTNV&THA (01);
- Các đương sự (08);
- Lưu AV – HS (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Vũ Thị Nguyệt